

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

TỪ NGỮ TÔN GIÁO TRONG TIỂU THUYẾT “MẪU THƯỢNG NGÀN” CỦA NGUYỄN XUÂN KHÁNH

NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN* - NGUYỄN NGỌC THỤY**

TÓM TẮT: Ngôn ngữ và tôn giáo có mối quan hệ hai chiều. Ngôn ngữ có vai trò phản ánh hoạt động của tôn giáo và ở chiều ngược lại, tôn giáo tác động trở lại đến ngôn ngữ dẫn tới những thay đổi trong ngôn ngữ. Bài viết này khảo sát đặc điểm của các từ ngữ chỉ tôn giáo trong tác phẩm “*Mẫu Thượng ngàn*” của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh. Kết quả nghiên cứu góp phần chỉ ra yếu tố tôn giáo trong ngôn ngữ và giúp thấy được bức tranh tôn giáo trong xã hội Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

TỪ KHÓA: ngôn ngữ và tôn giáo; từ ngữ tôn giáo; đạo Mẫu; “*Mẫu Thượng ngàn*”; Nguyễn Xuân Khánh.

NHẬN BÀI: 25/05/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 05/06/2023

1. Mở đầu

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, tôn giáo cùng với chính trị, đạo đức, pháp quyền, triết học, nghệ thuật... là các hiện tượng xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng, biểu hiện tập trung đời sống tinh thần của xã hội, là bộ mặt tư tưởng, tinh thần của một hình thái kinh tế - xã hội tương ứng. Cũng như tôn giáo, ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội nhưng là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Như một lẽ tự nhiên, ngôn ngữ và tôn giáo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nói về mối quan hệ này, Nguyễn Văn Khang (2012) khẳng định: “*Nhân tố nào có ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với lịch sử ngôn ngữ thì câu trả lời là tôn giáo và, nếu có câu hỏi ngược lại thì câu trả lời là ngôn ngữ.*” (tr.291) và từ đó đặt ra định hướng nghiên cứu: hoặc từ góc độ ngôn ngữ nghiên cứu tôn giáo hoặc từ góc độ tôn giáo nghiên cứu ngôn ngữ. Ở chiều hướng thứ nhất, thông qua khảo sát lớp ngôn ngữ biểu hiện, chúng ta thấy được những đặc điểm và tình hình của tôn giáo trong một thời điểm lịch sử cụ thể. Trong bài viết này, thông qua việc khảo sát lớp từ ngữ biểu thị các tôn giáo trong tác phẩm *Mẫu Thượng Ngàn* của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, bài viết sẽ làm rõ bức tranh tôn giáo của xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Mẫu Thượng Ngàn là tác phẩm đề tài của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh. Tác phẩm đạt giải thưởng của Hội nhà văn Hà Nội năm 2006 và giải thưởng Văn hóa Doanh nhân năm 2007. Theo Phạm Xuân Nguyên (2006), “*Nguyễn Xuân Khánh đã truy tìm mạch nguồn sống của dân Việt từ chất liệu lịch sử, những giá trị văn hoá xưa cũ hay tín ngưỡng đạo Phật, đạo Mẫu*”. Có thể nói, *Mẫu Thượng Ngàn* đưa người đọc bước vào không gian xưa của ngôi làng cổ Bắc Bộ - nơi mở ra một thế giới khác cùng tồn tại song song với thế giới hiện thực, đó là thế giới của thần linh, của tôn giáo, của tín ngưỡng dân gian trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Đọc tác phẩm, người đọc thấy hiện lên trước mắt mình một hiện thực đan xen giữa một bên là cuộc sống hàng ngày của người dân làng Cổ Đình cũng như người dân Việt Nam trong một thời đoạn lịch sử đầy biến động và một bên là sự hiện hữu âm thầm nhưng không kém phần sôi động của thế giới tâm linh và tín ngưỡng. Ngôn ngữ không chỉ là tấm gương phản chiếu văn hóa mà còn là nơi lưu giữ mọi mặt đời sống của tôn giáo của một dân tộc nên trong bài báo này, chúng tôi sẽ khảo sát ngôn ngữ trong tác phẩm *Mẫu Thượng Ngàn* để thấy được dòng chảy của các tôn giáo đặc biệt là đạo Mẫu ở miền quê Bắc Bộ nói riêng và xã hội Việt Nam nói chung cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tôn giáo

Ngôn ngữ và tôn giáo có mối quan hệ hai chiều. Trong Kinh Thánh có câu “In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God” (Từ thuở khai thiên lập địa đã có ngôn ngữ, ngôn ngữ tồn tại cùng Thượng đế. Ngôn ngữ chính là Thượng đế) [Dẫn theo Nguyễn Văn

* TS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: ngannth@hnue.edu.vn

** Học viện Hậu cần; Email: Thaithuy08042007@gmail.com

Khang, 2012, tr.291]. Ngôn ngữ có vai trò phản ánh hoạt động của tôn giáo và ở chiều ngược lại, tôn giáo tác động trở lại đến ngôn ngữ dẫn tới những thay đổi trong ngôn ngữ.

Từ mối quan hệ này đã hình thành một số hướng trong ngôn ngữ có liên quan đến tôn giáo như: nghiên cứu mối quan hệ ngôn ngữ - tôn giáo từ góc độ từ vựng, từ nguyên học, từ góc độ Ngôn ngữ học nhân chủng, Ngôn ngữ học xã hội.

Là hướng nghiên cứu truyền thống, thông qua việc xem xét lớp từ vựng để thấy được các vấn đề văn hóa - xã hội, nghiên cứu ngôn ngữ - tôn giáo theo góc độ từ vựng, từ nguyên học đã thu nhận được nhiều kết quả có giá trị thực tiễn. Theo hướng nghiên cứu này, nhà nghiên cứu sẽ xác định đơn vị từ vựng đó có thuộc lớp từ vựng tôn giáo không hoặc thông qua việc xem xét trường từ vựng tôn giáo, các lớp từ đặc biệt để thấy được đặc điểm của một tôn giáo nào đó trong hoàn cảnh xã hội cụ thể. Bài viết này tập trung khảo sát từ ngữ trong tác phẩm “*Mẫu Thượng Ngàn*” của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh.

2.2. Vài nét về các tôn giáo trong tác phẩm “*Mẫu Thượng Ngàn*” của Nguyễn Xuân Khánh

Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc vì thế tồn tại nhiều tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau. Trong tác phẩm *Mẫu Thượng Ngàn*, trong không gian làng quê Bắc Bộ, Nguyễn Xuân Khánh đã đề cập đến các tôn giáo, các tín ngưỡng có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân, chẳng hạn:

Đạo Nho (còn gọi là Nho giáo) ra đời vào thế kỉ VI trước công nguyên ở Trung Hoa. Đây là một tôn giáo bao gồm một hệ thống triết học xã hội, triết học chính trị và triết lí đạo đức được Khổng Tử đề xướng, sau đó được các môn đồ phát triển với mục đích xây dựng một xã hội hài hòa trong đó con người biết ứng xử theo lễ phải và đạo đức. Nho giáo phát triển mạnh mẽ vượt ra khỏi biên giới Trung Quốc và ảnh hưởng đến các nước xung quanh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam... Nho giáo du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và càng ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội và trong tâm thức của người Việt.

Đạo Phật (còn gọi là Phật giáo), là một hệ thống của triết học có nguồn gốc từ Ấn Độ do Tất - đạt - đa sáng lập ra. Phật giáo bao gồm một loạt các giáo lí, tư tưởng về nhân sinh quan, vũ trụ quan, thế giới quan giải thích hiện tượng tự nhiên, tâm linh, xã hội, bản chất sự vật, sự việc, các phương thức tu hành... Phật giáo có ảnh hưởng đến nhiều khu vực trên thế giới và ở Việt Nam, Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất so với các tôn giáo khác, tác động mạnh mẽ đến đời sống tâm thức của người Việt sau khi được bản địa hóa.

Đạo Thiên chúa (còn gọi là Thiên chúa giáo) ra đời vào thế kỉ I sau Công nguyên, do đức chúa Giê - su lập ra để thờ Đức chúa Trời - đáng tối cao và duy nhất, đáng tạo ra muôn loài. Thiên chúa giáo bắt đầu du nhập vào Việt Nam từ thế kỉ XVI. Mặc dù du nhập vào Việt Nam muộn hơn so với các tôn giáo khác nhưng đạo Thiên chúa đã thu hút nhiều tín đồ và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hóa xã hội cũng như đời sống tinh thần của người Việt.

Đạo Mẫu là một tín ngưỡng bản địa của Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm. Đạo Mẫu lấy việc thờ Mẹ làm cốt lõi với quyền năng sinh sôi, bảo trợ và che chở cho con người, là nơi con người kí thác những mong ước, khát vọng về đời sống trần thế của mình. Đạo Mẫu không hẳn là một tín ngưỡng tôn giáo đồng nhất mà nó là một hệ thống các tín ngưỡng thờ các thần linh thiên nhiên kết hợp với thờ Nữ thần. Khi nó phát triển và hòa cùng với các tôn giáo khác, đạo Mẫu đã trở thành một tín ngưỡng bản địa ăn sâu bén rễ vào đời sống tâm linh của người Việt.

Đề trở thành một tôn giáo, một hệ tư tưởng cần phải có giáo chủ, giáo lí, giáo luật, lễ nghi, có kinh sách để truyền đạo và có tổ chức thống nhất. Theo các tiêu chí đó, đạo Thiên chúa và đạo Phật được coi là hai tôn giáo điển hình và phổ biến. Nhiều người coi Nho giáo chỉ là một học thuyết bởi tư tưởng của nó được vua quan dùng để trị nước, yếu tố tôn giáo chưa thực sự nổi bật. Tuy nhiên, theo các tiêu chí của một tôn giáo thì đạo Nho cũng được coi là một tôn giáo. Ở Việt Nam thời kì “Tam giáo đồng nguyên” đã coi Nho giáo là một tôn giáo điển hình. Chỉ có đạo Mẫu chưa thực sự được coi là một tôn giáo mà chỉ là một tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ. Đạo Mẫu không có giáo chủ vì cả ba vị Mẫu có vai trò ngang nhau (Mẫu Thượng Ngàn cai quản núi rừng, Mẫu Thoải cai quản vùng sông nước và Mẫu Liễu Hạnh cai quản cõi trời); không có giáo luật, không có kinh sách. Hầu đồng và hát văn thuộc về nghi lễ và đó là một phần của tín ngưỡng tôn giáo Tuy nhiên, trong bài viết này chúng

tôi vẫn coi loại tín ngưỡng đặc biệt này là một tôn giáo đặc thù của người Việt để tiện cho việc khai thác tác phẩm.

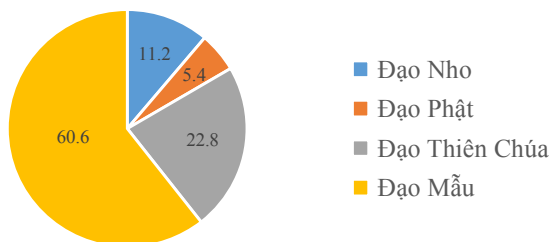
2.3. Nguyễn Xuân Khánh và tiểu thuyết “Mẫu thượng ngàn”

Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh sinh năm 1933 tại Hà Nội. Ông đỗ tú tài Toán, học Trường Đại học Y Hà Nội khoảng hai năm và đến năm 1952 thì ông tham gia quân đội. Gắn bó với Hà Nội cả cuộc đời, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã sống cùng lịch sử Hà Nội từ những năm chống Pháp cho đến nay. Không chỉ là tác giả của những tác phẩm nổi tiếng đạt nhiều giải thưởng như *Hồ Quý Ly*, *Đội gao lên chùa*, *Mẫu thượng ngàn*,... ông còn là dịch giả của nhiều tác phẩm như *George Sand-nhà văn của tình yêu*, *Những quả vàng*, *Chương nguyện cầu cho kẻ đã khuất*, *Bảy ngày trên kinh khí cầu*, *Tâm lý học đám đông*,...

Mẫu Thượng Ngàn (2006) là cuốn tiểu thuyết về văn hoá phong tục, tôn giáo Việt Nam thể hiện qua cuộc sống và những người dân ở làng Cổ Đình - một vùng quê bán sơn địa Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Trong bối cảnh Pháp xâm lược Việt Nam, đạo Phật suy tàn, đạo Khổng bị gạt bỏ, đạo Thiên chúa đang lan rộng, người dân quê trở về với đạo Mẫu - một tôn giáo bản địa có từ ngàn đời của dân tộc. Trong cuốn tiểu thuyết này, nhà văn đã diễn giải một cách tỉ mỉ về phong tục thờ Mẫu của người Việt qua lễ thức và trong tâm thức thông qua lớp vỏ ngôn từ. Nội dung tác phẩm nói về đạo Mẫu nhưng qua lớp từ ngữ được khảo sát, Nguyễn Xuân Khánh phản ánh khách quan tình hình chung về tôn giáo Việt Nam trong đó đạo Mẫu được khắc họa rõ nét với một sức sống bền bỉ và mạnh mẽ trong đời sống văn hóa và tâm hồn người Việt.

3. Đặc điểm từ vựng tôn giáo trong tác phẩm Mẫu Thượng Ngàn

Bài báo tiến hành thống kê, khảo sát các từ ngữ liên quan đến các tôn giáo được đề cập đến trong tác phẩm là đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên chúa giáo và đạo Mẫu. Chúng tôi đã thống kê được 2015 từ gồm danh từ, động từ, tính từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất... của các tôn giáo trên trong đó có 226 từ ngữ chỉ đạo Nho chiếm 11,2%, 108 từ chỉ đạo Phật chiếm 5,4%, 459 từ ngữ chỉ đạo Thiên chúa chiếm 22,8% và có tới 1.222 từ ngữ chỉ đạo Mẫu chiếm số lượng tuyệt đối 60,6%. Có thể thấy sự khác biệt đó qua biểu đồ sau:



Qua con số thống kê các từ ngữ biểu thị các tôn giáo, tín ngưỡng trong tác phẩm, ta thấy một bức tranh tôn giáo ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX hiện lên thật hoàn chỉnh và nhiều màu sắc.

Mặc dù đạo Phật là một tôn giáo lớn, du nhập vào nước ta sớm và có sức sống mạnh mẽ, ăn sâu vào đời sống tâm thức người Việt nhưng chúng tôi chỉ khảo sát được 108 từ ngữ chỉ đạo Phật, chiếm 5,4%, có số lượng ít nhất so với các lớp từ ngữ chỉ các đạo còn lại. Các từ ngữ chỉ đạo Phật được sử dụng nhiều nhất tập trung vào các danh từ chỉ đối tượng như *Phật*, *Phật Thích ca*, *thần phật*...; địa điểm thờ phụng như *chùa*, *ban*, *tam bảo*,... và những người theo đạo Phật như *tăng ni*, *sư*, *phật tử*... Cũng theo kết quả khảo sát, danh từ *Phật* xuất hiện 28 lần trong tác phẩm, danh từ *chùa* xuất hiện tới 59 lần và danh từ *sư* là 15 lần... Bên cạnh đó, các động từ nói về hoạt động của đạo Phật *tu*, *cúng*, *niệm*, *cầu khẩn*..., tuy số lượng không nhiều nhưng vẫn cho thấy các hoạt động của đạo Phật vẫn được thực hành trong đời sống tâm thức của nhân dân. Tuy nhiên, qua các tình từ chỉ tình trạng các ngôi chùa mà chúng tôi khảo sát được như *cũ kĩ*, *lạnh*, *tàn*, *hoang*, *ẩm mốc*... ta thấy những địa điểm thờ phụng của Phật giáo không còn là nơi được coi sóc chu đáo, được thờ phụng tôn nghiêm như vốn có. Phải chăng đạo Phật không còn là tôn giáo có sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong thời kì mà thực dân Pháp ra sức cai trị và đồng hóa xứ An Nam.

Về lớp từ biểu hiện Nho giáo, có thể thấy, tuy chiếm số lượng không nhiều (226 từ ngữ/2015 chiếm 11,2%) song thực tế đó cho thấy, mặc dù đã thoái trào nhưng Nho giáo vẫn bám rễ ăn sâu trong văn hoá Việt Nam trước những biến động của thời cuộc. *Nho giáo, đạo Khổng, đạo Thánh hiền...* là những từ ngữ dùng để chỉ đạo Nho. Những lớp Nho sĩ cuối mùa còn sót lại trong thời kì cả xã hội “quảng bút lông đi cầm bút sắt” vẫn được nhắc đến khá nhiều. Có tới 211/226 từ khảo sát được là danh từ trong đó có 188 là danh từ chỉ người với các danh xưng trong Nho giáo như *cụ đồ* (104 lần xuất hiện), *ông đồ* (39 lần xuất hiện), *ông Tú* (21 lần xuất hiện), *nhô sĩ* (14 lần xuất hiện), *cụ cử* (9 lần xuất hiện) và *tài tử* (1 lần xuất hiện). Có thể thấy, người dân làng Cổ Đình vẫn dành sự kính trọng đối với các nhân vật là các nhà Nho khi kính cẩn gọi họ bằng các danh từ, cụm danh từ là *ông Tú, ông đồ, cụ đồ...* Những từ ngữ chỉ sự vật liên quan đến Nho giáo mà bài báo khảo sát được là *chữ Nho, chữ Hán, chữ Thánh hiền, thư pháp, nghiên...* là những “chứng cứ” để khẳng định rằng, lớp nhà Nho cuối mùa còn sót lại vẫn đang cố gắng duy trì những di sản “vàng son” thuở trước. Tính từ *gia giáo, nề nếp...* xuất hiện cho thấy sự chuẩn mực của Nho gia mà các nhà Nho vẫn đang cố gắng giữ gìn đạo trước những biến thiên của thời cuộc. Tuy vậy, số lượng động từ và tính từ chỉ hoạt động, tính chất của Nho giáo chiếm số lượng rất ít (15 từ) cho thấy Nho giáo lúc này đã dần mất đi vai trò và vị thế trong xã hội hiện tại. Nho giáo không hướng con người ta tới hành động cụ thể và thiết thực. Và một điều chắc chắn là, khi điều gì không còn được người ta nhắc đến nữa thì cũng đồng nghĩa với việc nó đang dần bị lãng quên hoặc bị giao hòa bởi các tôn giáo khác. Ngay như cái tên của ông họ Hiếu cũng rất đặc biệt. Hiếu - một cái tên chỉ những giá trị của Nho giáo, cũng cho thấy ý thức giữ gìn những đạo lí, lễ giáo của đạo Nho trong bối cảnh lúc đó. Người dân gọi ông là *ông họ* tức là họ pháp, là người bảo vệ Phật pháp. Điều này cho thấy sự mờ nhạt của Nho giáo bởi ít nhiều sự giao hòa giữa các đạo Nho và đạo Phật trong xã hội lúc đó.

Các từ ngữ chỉ đạo Thiên Chúa trong tác phẩm chiếm một số lượng lớn thứ 2 với 459 từ ngữ chiếm 22,8%. Các danh từ chỉ Chúa như *Chúa, Đấng tối cao, Đấng bề trên, Đức Chúa trời, Giê-su...*; từ chỉ nơi thờ Chúa như *nhà thờ, giáo đường, thánh đường...*; những người theo đạo như *con chiên, giáo dân, cha, cha xứ, đức cha, linh mục*; các từ các tổ chức Thiên chúa giáo như: *toà giám mục, hội thừa sai, giáo xứ, giáo phận...*; các từ chỉ hoạt động hành lễ như *thờ phụng, rửa tội, phụng sự, ban phước, sám hối, rửa tội, hành lễ, đặt tên Thánh, cấm đạo...* các tính từ như *ngoan đạo, tín...* cho thấy sự thâm nhập sâu rộng của tôn giáo này đối với đời sống tinh thần của nhân dân. Là một tôn giáo du nhập muộn hơn so với các tôn giáo khác lại xa lạ so với nếp cảm, nếp nghĩ của phần nhiều người Việt nhưng Thiên chúa giáo được “hậu thuẫn” rất mạnh từ chính quyền thực dân trong công cuộc truyền đạo và tạo ảnh hưởng. Nó cho thấy một hiện thực của xã hội Việt Nam giữa thế kỉ XIX, đó là sự thâm nhập ráo riết của thực dân Pháp đối với nước ta thông qua một trong số rất nhiều con đường được thực thi chính là văn hoá. Công cuộc truyền bá tư tưởng, xây dựng nhà thờ, thu phục giáo dân của thực dân Pháp trong thực tế giai đoạn lịch sử này đã được phản ánh rõ nét trong tác phẩm qua đó cũng thấy con đường phát triển của một tôn giáo tại nước ta.

Riêng với đạo Mẫu, tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt được thể hiện ngay từ nhan đề tác phẩm *Mẫu Thượng Ngàn*. Vì thế, số lượng từ ngữ chỉ tín ngưỡng này chiếm số lượng cao nhất: 1222 từ ngữ chiếm 60,6%. Các lớp từ gồm danh từ chỉ người, chỉ thiên nhiên, chỉ các vị Thánh/thần, chỉ địa danh liên quan đến đạo Mẫu; các động từ, cụm động từ chỉ hoạt động tâm linh, chỉ hoạt động tính dục, chỉ hoạt động của các vị thánh; tính từ, cụm tính từ miêu tả con người, thiên nhiên liên quan đến đạo Mẫu xuất hiện dày đặc trong tác phẩm. Đó là những danh từ chỉ đối tượng thờ cúng của đạo Mẫu như: *Thánh Mẫu, cô Chín, cô Bơ, cô bé Suối, công chúa Thiên Thai, Châu Đệ Nhị Thượng Ngàn, bà chúa Thiên Thai, Mẫu Thoải, Quan Hoàng Bảy, Quan Hoàng Mười và Quan phủ Tuần Tranh, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, bà chúa Thác Bờ, Ngũ vị Tôn ông, mẹ Đất, mẹ Nước, mẹ Trời...*; chỉ nơi thờ cúng như: *phủ, Thiên phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ và Địa phủ, sơn trang, động...*; những động từ chỉ hoạt động liên quan đến đạo Mẫu như: *ngự đồng, giáng sinh, giá lâm, hầu (Thánh), vái tạ, thỉnh mời, ngồi đồng, thỉnh mời, cúng, vái tạ...*; các tính từ chỉ trạng thái, tính chất liên quan đến đạo Mẫu như: *thiêng, thành kính, tôn nghiêm, thâm u, hoang sơ, bí ẩn...* Qua khảo sát, có thể thấy những danh từ chỉ các vị thánh trong đạo Mẫu cũng xuất hiện nhiều hơn hẳn lớp danh từ nói về

những vị thánh của ba đạo kể trên. Điều này chứng tỏ sự phong phú trong hệ thống thánh thần của đạo Mẫu. Phát triển từ tín ngưỡng thờ Thần với các nhiên thần, nhân thần trong dân gian “vạn vật hữu linh”, hệ thống thánh thần của đạo Mẫu là vô cùng phong phú. Một điều đặc biệt là, nếu như những danh từ chỉ người của đạo Nho, đạo Phật và đạo Thiên Chúa tập trung vào chỉ những chức danh, danh xưng, chức vị... của những người đi theo những tín ngưỡng đó, thì với đạo Mẫu, những danh từ chỉ người, hay những nhân vật tham gia vào đời sống tín ngưỡng là những con người bình dị vô danh như *ông phó bạ, ông trưởng, bà trưởng, những nghệ sĩ, những nhà nho cuối mùa thậm chí là những người Pháp sang khai hoá đất An Nam...* Điều này cho thấy tính dung hợp cao của đạo Mẫu - một tín ngưỡng bản địa, một thứ đạo của đất, của trời, của sông suối, núi ngàn. Chỉ cần tồn tại tại xứ An Nam này, họ đều có mặt trong bức tranh về tín ngưỡng bản địa của người Việt.

Đặc biệt, trong lớp từ ngữ chỉ đạo Mẫu, lớp từ chỉ thiên nhiên chiếm số lượng rất lớn 494/1222 từ chiếm 40,4%. Nội dung chính của tác phẩm nói về Mẫu Thượng Ngàn - vị Mẫu cai quản miền sơn cước, vậy nên phạm là những núi đồi, sông suối, thác nước, cây cỏ, chim muông, rừng sâu nước thiêng... trên đất này đều thuộc vào phạm vi cai quản của Mẫu. Các danh từ chỉ thiên nhiên đã dựng nên một bức tranh núi rừng hùng vĩ với tất cả những núi, đồi, sông suối, cây cỏ, chim muông, hoa lá... Đó là một thiên nhiên bao la, là sự bao dung, bảo trợ của Mẫu đối với người dân bản xứ. Đây là lớp từ mà đạo Phật, Nho và Thiên Chúa không có được vì những đạo đó là những tư tưởng du nhập từ những đất nước khác, đối tượng tập trung của những đạo này cũng không nằm ở các vị thánh thần trong tự nhiên mà tập trung vào con người, đặc biệt là đạo đức và lễ nghĩa. Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến lớp từ chỉ người phụ nữ như: “*đàn bà*”, “*nàng*”, “*cô gái*”, “*mẹ*”... trong đạo Mẫu. Mẫu là mẹ, là nữ giới, là đàn bà. Điều này làm nổi bật lớp nhân vật nữ trong tác phẩm - những người phụ nữ trong tác phẩm đều có một thời con gái, rồi được hưởng hoan lạc, trở thành đàn bà và cuối cùng trở thành những người mẹ. Sự sinh sản đối với họ là thiêng liêng, là tối thượng, là món quà từ thánh thần. Vì thế, nói đến lớp động từ, tính từ, đạo Mẫu cũng có sự đa dạng hơn hẳn về tính chất và hoạt động.

Ở các đạo Nho, Phật, Thiên Chúa, lớp động từ chủ yếu được sử dụng để diễn tả những hoạt động tín ngưỡng, nghĩa là thuần túy chỉ nói tới những hoạt động giữa con người và thần, phật. Tuy nhiên, trong số các từ ngữ về đạo Mẫu, có ba dạng động từ được sử dụng. Đó là động từ chỉ hoạt động tâm linh của con người (chỉ mối quan hệ giữa con người với thánh thần), chỉ hoạt động tính dục (chỉ mối quan hệ giữa con người với con người), chỉ hoạt động của các vị thánh (chỉ mối quan hệ giữa thánh thần với con người và tự nhiên). Như vậy, hoạt động của đạo Mẫu không chỉ là hoạt động mang tính tín ngưỡng và tôn thờ, mà còn là hoạt động mang tính thực hành, có sự kết nối đa chiều giữa thánh thần và con người trong đó hoạt động tính dục là hoạt động được miêu tả kĩ càng nhất trong tác phẩm - điều mà ở các đạo Nho, Phật, Thiên Chúa không có. Hoạt động tính dục thường có trong tín ngưỡng phồn thực và có lẽ những đạo thiên về mẫu tính mới tôn thờ sự sinh nở và hành vi hành lạc. Đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên Chúa cả ba đạo đều hướng con người tới quả dục hoặc diệt dục mà không khuyến khích họ sống với bản tính tự nhiên của mình. Cũng vì thế mà khi miêu tả những người phụ nữ, tác giả cũng miêu tả khá phóng khoáng về thân thể họ, với những *cặp vú, đường cong, thân thể, làn da...*; những tính chất đặc điểm như: *thơm nồng, nuột nà, ngọt ngào, nồn nà, đầy dầ, mềm mịn, trắng trẻo...*; những hoạt động trạng thái như *giao hoan, ân ái, hoan lạc, hành lạc, ôm, xoắn xuýt...* Trong “Mẫu Thượng Ngàn”, con người được sống chân thật như là chính họ, sống tự nhiên với bản tính người, không chịu sự ràng buộc của các lễ giáo hay giáo lí, giáo điều. Con người được miêu tả với đầy đủ các vẻ đẹp từ tâm hồn đến hình thể. Thiên nhiên cũng hiện lên trong nhiều trạng thái trong đó có trạng thái giao hoan và màu sắc phong phú của vạn vật. Đó là một bức tranh thiên nhiên rừng núi mang đậm dấu ấn của Mẫu. Mẫu là nữ giới, là biểu tượng của sự sinh sôi, của sự bắt đầu những đời sống mới. Vì vậy, khi nói tới Mẫu tính, ta nói tới tính sinh sôi của thiên nhiên. Thiên nhiên trong Mẫu Thượng Ngàn cũng được miêu tả theo chiều hướng phồn thực, nảy nở, quần quýt và giao hoà với nhau. Nguyễn Xuân Khánh tập trung miêu tả hai khía cạnh chính nhằm xây dựng nên bức tranh tổng thể và triết lí của đạo Mẫu. Đó là bức tranh thiên nhiên thâm u nhưng cũng căng đầy sức sống nhất là sự sinh sôi và bức tranh sinh hoạt phồn thực của con người, trong đó nổi bật là hình ảnh người phụ nữ bản địa.

Như vậy, có thể thấy rằng lớp từ ngữ được sử dụng để nói về đạo Mẫu chiếm số lượng vượt trội hơn hẳn ba đạo còn lại được Nguyễn Xuân Khánh đề cập đến trong tác phẩm. Điều này cho thấy một thực trạng về bức tranh tôn giáo ở Bắc Bộ thời kì cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Trước nỗ lực khai hoá của thực dân Pháp, những tư tưởng, tôn giáo ngoại lai dường như không còn tìm được chỗ đứng vững chắc trong lòng dân bản địa bởi vì xét tới cùng, không có một vị thánh thần nào xuất hiện để cứu rỗi đời sống tinh thần của người dân trong buổi tao loạn của đất nước. Thứ giá trị duy nhất mà họ bám víu vào được là kí ức dân tộc và những thứ hiện tồn trên mảnh đất này, là tự nhiên đang nuôi sống họ mỗi giờ mỗi phút. Đứng trước nguy cơ bị xâm lấn về chủ quyền và văn hoá, đạo Mẫu trở dậy như là tinh thần dân tộc, như là hồn thiêng bảo vệ nhân dân trước những giá trị ngoại lai. Vì là đạo Mẫu, nghĩa là đạo Mẹ, đạo Mẫu mang trong mình khả năng bao dung và cảm hoá. Chính vì vậy mà những giá trị của đất này luôn được bảo tồn, thậm chí còn có thể cảm hoá được cả những người Pháp tới sinh sống trên lãnh thổ nước ta. Họ xâm lăng ta về đất đai nhưng họ bị xâm lấn ngược lại về mặt tinh thần của ta, vì đạo Mẫu là đạo chung cho tất cả, bởi không ai là không có một người Mẹ.

3. Kết luận

Thông qua lớp từ ngữ chỉ các tôn giáo trong *Mẫu Thượng Ngàn*, Nguyễn Xuân Khánh đã dựng nên một bức tranh trung thực và khách quan về tình hình tôn giáo của xã hội Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Lúc này, đạo Phật, đạo Nho đang dần suy tàn, đạo Thiên chúa dưới sự “bảo trợ” của thực dân Pháp nhưng cũng không đủ sức lan tỏa mạnh mẽ, chỉ còn đạo Mẫu một tín ngưỡng bản địa trỗi dậy mạnh mẽ, bảo vệ hồn đất, hồn người Việt. Thông qua đạo Mẫu, Nguyễn Xuân Khánh khẳng định những giá trị văn hoá Việt, đời sống tâm linh của người Việt, phẩm chất Việt đặc biệt là sự cam chịu, lòng bao dung, nhân văn của người phụ nữ. Mẫu không chỉ hoá thân vào thiên nhiên, vào ông đồng, bà đồng, mà mỗi một người mẹ, một người bà, một người con gái trong tác phẩm đều là hoá thân của Mẫu. Qua lớp ngôn ngữ khảo sát, có thể thấy, mặc dù khẳng định đạo Mẫu, Nguyễn Xuân Khánh luôn giữ một thái độ khách quan tôn giáo khi phản ánh các tôn giáo khác. Có thể khác biệt về số lượng từ ngữ chứ không một tôn giáo nào trong tác phẩm được miêu tả bằng những từ ngữ mang tính đánh giá tiêu cực. Qua đó, ta có thể thấy một điều không thể phủ nhận, đó là mối quan hệ khăng khít giữa ngôn ngữ và tôn giáo được thể hiện trong tác phẩm đặc biệt này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
2. Mai Ngọc Chừ - Vũ Đức Nghiệu - Hoàng Trọng Phiến (1992), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Mẫu Thượng Ngàn*. Nxb Phụ nữ. Hà Nội.
5. Phạm Xuân Nguyên (2006), *Mẫu Thượng Ngàn - nội lực văn chương của Nguyễn Xuân Khánh*. Vtcnew.vn.
6. Trần Đăng Sinh - Đào Đức Doãn (2007), *Giáo trình Tôn giáo học*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Religious words in the work “*Mẫu Thượng ngàn*” by writer Nguyen Xuan Khanh

Abstract: Language and religion have a two-side relationship. Language reflects the activities of religion and in contrast, religion affects back to the changes in language. This article surveys the characters of language indicating religion in the work “*Mau Thuong Ngan*” written by Nguyen Xuan Khanh. The result will provide readers the picture of religious factors in language and help them know the religious pictures of Vietnamese society in the late 19th century and the early 20th century.

Key words: language and religion; religious language; Mau religion; “*Mau Thuong ngan*”; writer Nguyen Xuan Khanh.